

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần S, sinh năm 1970
2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Số 320/22/15 đường N, phường B, Quận F, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần S và bà Trần Thị L qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào năm 1999 (Giấy chứng nhận kết hôn số 31/99 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22 tháng 6 năm 1999).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về mọi mặt trong cuộc sống và khó khăn về kinh tế nên cả hai thường xuyên xung đột, cãi vã. Dẫn đến vợ chồng ít quan tâm chia sẻ và dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không còn tình cảm. Cả hai đã nhiều lần ngồi lại

với nhau để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể hòa hợp được nữa. Cả hai đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông S và bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục chung sống cũng không mang đến hạnh phúc nên ông và bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần S và bà Trần Thị L có 01 (Một) con chung họ tên là Trần Văn Bảo T (Giới tính: nam), sinh ngày 31/7/1999. Đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần S và bà Trần Thị L xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Trần S và bà Trần Thị L xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Trần S và bà Trần Thị L chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần S và bà Trần Thị L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 31/99 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q cấp ngày 22 tháng 6 năm 1999).

1.2. Về con chung: Ông Trần S và bà Trần Thị L có 01 (Một) con chung họ tên là Trần Văn Bảo T (Giới tính: nam), sinh ngày 31/7/1999. Đã trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung: Ông Trần S và bà Trần Thị L xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Trần S và bà Trần Thị L xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần S và bà Trần Thị L chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0014368 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần S và bà Trần Thị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thu).

THẨM PHÁN

Hà Thị Luyện